CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

ĐIỀU LỆ

(Đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/03/2008)

Lưu hành nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
DONATOURS
105 Hà Huy Giáp - P. Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - T. Đồng Nai
ĐT : 0613822368 - Fax : 0613822885 - Email : dulichdn@hcm.vnn.vn

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

Điều lệ này của Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các qui định của Công ty, các nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những qui tắc và qui định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua hợp lệ bởi cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 24 tháng 03 năm 2008

CHƯƠNG I.
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này qui định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau :

a) "Luật doanh nghiệp" được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

b) "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty theo quyết định của cổ đông tại từng thời kỳ.

c) "Cổ phần" vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần

d) "Cổ phần phổ thông" là một đơn vị của Vốn điều lệ , có mệnh giá là 10.000 đồng và cho phép người nắm giữ có các quyền theo qui định của Điều lệ này.

đ) "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

e) "Cổ đông" là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

g) "Cổ tức" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần." Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

h) "Người quản lý" là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

i) "Những người liên quan " là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại điều 4.17 luật Doanh nghiệp năm 2005.

k) "Thời hạn" : thời hạn hoạt động ban đầu của Công ty qui định tại Điều 2 của Điều lệ này.

l) "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2 Trong Điều lệ này bất kỳ một tham chiếu nào tới một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế cho chúng.

1.3 Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không làm ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

1.4 Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời gian hoạt động của Công ty

2.1 Tên Công ty :

+ Tên tiếng Việt : **Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai**
+ Tên tiếng Anh : **Dong Nai Tourist Joint Stock Company.**
+ Tên viết tắt : **DONATOURS**

2.2 Hình thức :

Công ty là một Công ty cổ phần có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công ty :

+ Địa chỉ: 105 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, T.P Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
+ Điện thoại: 061 - 3822368
+ Fax: 061 - 3822885
+ E-mail: dulichdn@hcm.vnn.vn

Các cơ sở trực thuộc công ty:

+ Khách sạn Đồng Nai
+ Khách sạn Hòa Bình
+ Nhà hàng Đồng Nai
+ Trung tâm Dịch vụ Lữ hành
+ Trung tâm VHDL Bửu Long
+ Trung tâm Du lịch Đảo Ó – Đồng Trường
+ Trung tâm Thương mại Tổng hợp

2.4 Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài (nếu cần thiết) để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và qui định của luật pháp.

2.5. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu du lịch
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành và các dịch vụ du lịch khác
- Kinh doanh thương mại

Điều 5. Địa bàn hoạt động của Công ty

Địa bàn hoạt động của Công ty tại Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các quyền và nghĩa vụ như qui định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

7.1 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7.2 Tổ chức Công đoàn và các Tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

7.3 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG III
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

8.1. Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

8.2. Vốn Điều lệ của Công ty là 64.300.000.000 VNĐ (Sáu mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng) được chia thành 6.430.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ giai đoạn 1 của Công ty là 50.327.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu) được chia thành 5.032.700 cổ phần

Dự kiến giai đoạn 2, Công ty phát hành đủ số vốn còn lại, do vậy vốn Điều lệ giai đoạn 2 là: 64.300.000.000 VNĐ (Sáu mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng) được chia thành 6.430.000 cổ phần.

8.3. Công ty chỉ có thể tăng Vốn Điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng các qui định của pháp luật.

8.4. Cổ đông sáng lập của Công ty là những cổ đông có đủ các điều kiện sau :

- Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu;
- Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;
- Sở hữu số lượng cổ phần tối thiểu là 01 % vốn điều lệ.

Tên, địa chỉ số lượng cổ phần cùng các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phục lục 1 đính kèm. Phụ lục 1 là một phần của Điều lệ này.

8.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký cho phù hợp (tối thiểu 20 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán thông qua Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán.

8.6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong điều lệ này và pháp luật hiện hành.Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với qui định của điều lệ này về luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8.7 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Cổ phiếu

9.1 Cổ phiếu của Công ty phát hành gồm hai loại : cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh.

9.2 Cổ phiếu ghi danh bao gồm :

- Cổ phiếu của cổ đông Nhà nước.
- Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị
- Cổ phiếu của cổ đông sáng lập
- Cổ phiếu của thành viên Ban kiểm soát
- Cổ phiếu của các cổ đông chiến lược mua cổ phần theo giá ưu đãi.

9.3 Cổ phiếu không ghi danh là cổ phiếu không thuộc các đối tượng nêu trên.

Điều 10. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

10.1 Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Cổ phiếu là Giấy chứng nhận xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

10.2 Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành phải có đóng dấu Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và các nội dung khác theo qui định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp.

10.3 Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu.

10.4 Nếu chứng chỉ cổ phiếu bị rách, hư hỏng, nhoè, mờ, bị mất,... thì cổ đông sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh và thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

10.5 Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo qui định tại Điều 86 Luật doanh nghiệp.

10.6 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng vì mục đích lừa đảo.

10.7 Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

11.1 Việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty được thực hiện theo qui định của pháp luật và qui định tại Điều lệ này.

11.2 Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng, thừa kế.

11.3 Trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán; cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể được chuyển nhượng cho những người không phải là cổ đông của Công ty nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

11.4 Cổ phiếu ghi danh thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm không được phép chuyển nhượng. Trường hợp đặc biệt thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể chuyển nhượng cổ phần khi có sự đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

11.5 Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh phải thực hiện bằng văn bản và tuân thủ theo qui định của Hội đồng quản trị. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu số cổ phần liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

11.6 Khi công ty tham gia vào thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12. Thừa kế cổ phần

12.1 Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng.

12.2 Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế phải thực hiện thủ tục đăng ký làm người sở hữu của các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông của Công ty.

12.3 Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông bầu.

Điều 13. Mua lại cổ phần

13.1 Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông đã bán hoặc mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo qui định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện theo qui định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp

13.2 Cổ đông được quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp sau đây :

a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty;

b) Cổ đông biểu quyết phản đối việc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông qui định tại Điều lệ;

13.3 Khi yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, cổ đông phải làm văn bản yêu cầu, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, giá dự kiến bán, lý do yêu cầu mua lại. Văn bản yêu cầu phải được gởi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định mà cổ đông phản đối.

13.4 Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông, Công ty phải thực hiện mua lại cổ phần của cổ đông theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị.

Điều 14. Quyền hạn của Cổ đông

14.1 Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

14.2 Cổ đông Công ty có các quyền sau:

a) Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên;

b) Được chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu;

d) Cổ đông được tham dự Đại hội đồng cổ đông và được thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

h) Đối với cổ đông chiến lược của công ty được sử dụng cổ phiếu để cầm cố, thế chấp trong các quan hệ tín dụng ở Việt Nam.

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

14.3 Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 8% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 6 tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các điều 24.3 và điều 36.2

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản: phải có họ, tên, số giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú, quốc tịch, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác. Đối với cổ đông là cá nhân: tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh. Đối với cổ đông là tổ chức: số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

Điều 15. Nghĩa vụ các cổ đông

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp;

c) Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của công ty.

d) Đối với cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần được mua ưu đãi theo quy định trong vòng 3 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp

giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp đặc biệt, cần chuyển nhượng số cổ phần được mua ưu đãi trước thời hạn thì phải được Hội đồng quản trị công ty chấp thuận.

e) Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật quy định.

f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- Vi phạm pháp luật
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính của công ty.

Điều 16. Đại diện được ủy quyền của cổ đông

16.1 Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện các quyền của cổ đông bằng văn bản ủy quyền. Đại diện được ủy quyền thực hiện các quyền được uỷ quyền nhân danh cổ đông ủy quyền.

16.2 Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại diện được ủy quyền không được uỷ quyền lần thứ hai cho người khác.

16.3 Đại diện được ủy quyền không được đem thế chấp, cầm cố và bảo lãnh số cổ phiếu được ủy quyền trong bất kỳ trường hợp nào.

16.4 Văn bản ủy quyền phải được lập theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định:

a. Nếu cổ đông ủy quyền là thể nhân thì văn bản ủy quyền phải hợp pháp.
b. Nếu cổ đông ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.

16.5 Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi việc ủy quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ký. Văn bản này phải được lập theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định.

CHƯƠNG IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

a) Đại hội đồng cổ đông

b) Hội đồng quản trị

c) Tổng Giám đốc

d) Ban kiểm soát

CHƯƠNG V

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

18.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

18.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại địa điểm do Hội đồng quản trị quy định.

18.3 Đại hội đồng cổ đông bất thường

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

a. Có 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị trở lên xét thấy cần thiết phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông vì lợi ích của Công ty.

b. Báo cáo tài chính trong năm, quý hoặc 6 tháng cho thấy 20% số vốn Điều lệ bị mất;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu là 8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục tối thiểu là 6 tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đầy đủ chữ ký các cổ đông liên quan, hoặc có 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội vì lý do các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. Yêu cầu triệu tập Đại hội được lập thành văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đầy đủ chữ ký các thành viên ban kiểm soát liên quan.

18.4 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo :

a. Quyết định của Hội đồng quản trị

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu nêu tại mục d, khoản 18.3 điều này;

c. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội dồng cổ đông trong trường hợp như nêu tại mục b khoản 18.4 này, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập Đại hội;

d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội, những cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại mục d, khoản 18.3 điều 18 có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định tại khoản 6 điều 97 của Luật doanh nghiệp.

e. Tất cả các chi phí triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những phí tổn này không bao gồm những chi phí do các cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 19. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

19.1. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình bằng cách thông qua các nghị quyết về các vấn đề sau đây :

a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo của Hội đồng quản trị

b) Quyết định mức cổ tức được quyền thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

e) Số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

f) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty;

g) Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;

h) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

i) Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định phương án đầu tư, quyết định bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty;

j) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

k) Công ty ký kết hợp đồng với những người theo qui định tại Điều 87.1 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

m) Các vấn đề khác theo qui định của Điều lệ này, các qui định của Pháp luật.

n) Việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.

19.2 Trường hợp cổ đông không được biểu quyết :

a) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng qui định tại mục k khoản 19.1 điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

b) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua việc mua cổ phần của chính mình hoặc người có liên quan.

19.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 20. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và các đại diện được ủy quyền

20.1 Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông theo sổ đăng ký tại thời điểm tổ chức đại hội

20.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông :

a) Khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và phải lập xong chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 8% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền yêu cầu được xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

20.3 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.

20.4 Việc chỉ định đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu được Hội đồng quản trị qui định.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

21.1 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp nêu tại mục c, mục d khoản 18.4 Điều 18 của Điều lệ này.

21.2 Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau :

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chương trình Đại hội, các tài liệu khác theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật;
b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội;
c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông và gửi thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông.

21.3 Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình Đại hội và các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.

21.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian ít nhất 6 tháng liên tục có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho cấp triệu tập ít nhất 03 ngày trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình Đại hội.

21.5 Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất đề cập trong khoản 21.4 của điều này nếu:

a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục 6 tháng;

c) Đề xuất không có những thông tin rõ ràng;

d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền bàn bạc và thông qua của Đại hội đồng cổ đông.

21.6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết trong chương trình Đại hội.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội

22.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Trong trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là những cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện được uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn. Theo đề nghị Chủ tọa đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gởi kèm theo thông báo mời họp..

22.2 Tại Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và thực hiện cho đến khi đảm bảo rằng tất cả các cổ đông có quyền dự họp đều đã đăng ký đầy đủ.

22.3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết khi làm thủ tục đăng ký cổ đông sẽ được cấp một thẻ biểu quyết. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng thẻ biểu quyết. Đại hội sẽ bầu ban kiểm phiếu để xác định kết quả biểu quyết.

22.4. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn vẫn có quyền đăng ký, có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để các cổ đông này đăng ký và hiệu lực các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

22.5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

a) Những người có mặt có hành vi cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của Đại hội;

b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội.

22.6 Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì Đại hội. Trong trường hợp cả hai đều vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ quản lý cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu cử ra chủ tọa Đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của Đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu cử chủ tọa thì tên chủ tọa được đề cử và tỷ lệ phiếu bầu theo cổ phần cho chủ tọa phải được công bố.

22.7 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua tại Đại hội và lưu tại Công ty. Các biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được Chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận. Các báo cáo tại Đại hội, biên bản Đại hội, sổ đăng ký cổ đông và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

22.8 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông: trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

23.1 Tất cả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông đều được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

23.2 Trừ trường hợp qui định tại khoản 23.3 dưới đây, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

23.3 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau đây được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông :

- Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Quyết định tổ chức lại công ty;
- Quyết định giải thể công ty;
- Quyết định bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

23.4 Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì Hội đồng quản trị phải làm các công việc sau đây

a. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.

b. Trong phiếu lấy ý kiến phải thể hiện: nội dung lấy ý kiến, tên, địa chỉ trụ sở công ty, mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty, phương án biểu quyết " nhất trí " , "không nhất trí", " không có ý kiến".

c. Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông..

d. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về công ty.

23.5 Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

CHƯƠNG VI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

24.1 Hội đồng quản trị gồm có năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm.

24.2 Thành viên Hội đồng quản trị được bầu cử theo thể thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị được bầu vào cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hay một số ứng cử viên.

24.3 Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a) Có năng lực và hành vi nhân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại điều lệ của công ty.
c) Đối với công ty con mà Nhà nước sở hữu vốn cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của mình quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

24.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 8% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử 05 ứng viên.

24.5 Những cổ đông nắm giữ ít hơn 8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lại với nhau để đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị.

24.6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
c. Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

25.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi cuả công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

25.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển và ngành nghề kinh doanh của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định phương án đầu tư, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty tại thời điểm gần nhất.

đ) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, quyết định mức lương, thời hạn tuyển dụng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc, quyết định mức lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

g) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

i) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

j) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và trái phiếu chuyển đổi của công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty bao gồm: ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;

m) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;

n) Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

o) Quyết định việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

p) Quyết định chọn đơn vị kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát.

25.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

25.4 Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị căn cứ vào số tiền thù lao cho Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

25.5 Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kể cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

26.1 Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

26.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty.

26.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

26.4 Phó chủ tịch có các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo với Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc trong trường hợp Chủ tịch phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ.

26.5 Khi cả Chủ tịch và phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do gì thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

27.1 Các cuộc họp thường kỳ : Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ít nhất là 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý họp một lần.

27.2 Các cuộc họp bất thường : Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
b. Tối thiểu 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị;
c. Tổng Giám đốc;
d. Trưởng Ban Kiểm soát.

27.3 Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người đề nghị tổ chức cuộc họp đề cập ở khoản 27.2 điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị.

27.4 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 5 ngày trước cuộc họp. Thông báo họp phải được viết bằng tiếng Việt và phải nêu rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải gửi kèm theo nội dung những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp.

27.5 Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất từ 3/4 (ba phần tư) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế.

27.6 Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại khoản 27.6, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc các đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty.Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại khoản 27.6, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất và phạm vi lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách đích đáng.

27.7 Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết mình có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

27.8 Biểu quyết đa số:

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

27.9 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc mốt số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể trao đổi một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua điều lệnh hay sau này) hoặc là kết hợp cả những phương thức này. Theo điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị thông qua cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm của cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng tất cả chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

27.10 Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết loại này có giá trị và hiệu lực như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

27.11 Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội

dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có tất cả các chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

27.12 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nữa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

27.13 Giá trị pháp lý của hành động:

Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

27.14 Giám đốc, Ban kiểm soát không là thành viên Ban Hội đồng quản trị được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG VII
CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH

Điều 28. Cơ cấu tổ chức điều hành

28.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty, Chi nhánh và các đơn vị kinh doanh trực thuộc. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị trong bộ máy quản lý thực hiện theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty.

28.2 Bộ máy điều hành của Công ty gồm có:

+ Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc

+ Kế toán trưởng

+ Giám đốc các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

+ Giám đốc các đơn vị cơ sở trực thuộc

Điều 29. Tổng Giám đốc

29.1 Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

29.2 Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

29.3 Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng bao gồm cả thời hạn tuyển dụng với ít nhất 3/5 thành viên Hồi đồng biểu quyết tán thành .

29.4 Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Tổng Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc:

30.1 Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu quyết định này trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty và trái với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải được làm văn bản gửi cho Hội đồng quản trị.

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Công ty ký kết các Hợp đồng tài chính và thương mại.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

d) Đề xuất cho Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng; đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt về mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng.

e) Tuyển dụng, trả lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty theo quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt và phù hợp với các qui định của pháp luật.

f) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

g) Trình Hội đồng quản trị kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.

h) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt biên chế bộ máy và phương án điều chỉnh tổ chức, thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

i) Thực hiện phân công và ủy nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

j) Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu.

k) Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty

l) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty cho Hội đồng quản trị.

m) Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

n) Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố,... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

o) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, và qui định của pháp luật.

Điều 31. Phó Tổng giám đốc

31.1 Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc. Phó Tổng giám đốc được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm hoặc ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.

31.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VIII
BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Ban kiểm soát

32.1 Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát gồm ba (03) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ đại học chuyên ngành Tài chính kế toán do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức

bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín. Trong nhiệm kỳ của Ban kiểm soát nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

32.2 Ban kiểm soát bầu ra một thành viên làm Trưởng ban kiểm sóat.

32.3 Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05). năm và có thể được kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng và bàn giao công việc cho Ban kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo.

32.4 Ban Kiểm soát họp ít nhất là 6 tháng 1 lần và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là 02 thành viên.

32.5 Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.

32.6 Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây::

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi nhân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật này.
b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
c. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, có ý thức chấp hành pháp luật.

32.7 Những người sau đây không được làm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty;
b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

32.8 Chấm dứt tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản gửi đến Công ty;
c. Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
d. Thành viên đó vắng mặt tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục 12 tháng mà không được phép của Ban Kiểm soát.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát

33.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định theo điều 122 của luật doanh nghiệp:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;
b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần

thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;

c) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

d) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

e) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

f) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty;

g) Không được tiết lộ bí mật của Công ty.

h) Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

j) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.

k) Thỏa thuận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành việc kiểm toán.

l) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như những vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

m) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và có ý kiến phản hồi cho Ban quản lý công ty.

n) Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

o) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và có ý kiến phản hồi của ban quản lý.

33.2 Nhiệm vụ quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát :

a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

33.3 Việc kiểm tra quy định tại các khoản 1 và 2 của điều này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34. Trách nhiệm của người quản lý

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

34.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, có trách nhiệm vì lợi ích của công ty và cổ đông của công ty;

34.2 Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

34.3 Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a) Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả chủ nợ biết;

b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý;

c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;

d) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty;

34.4 Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ , CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

Điều 35. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

35.1 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 8% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty.

35.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Điều 36. Chế độ lưu giữ tài liệu

36.1 Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký cổ đông;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;

đ) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (trường hợp công ty cổ phần đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);

e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

36.2 Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 36.1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 37. Tài khoản ngân hàng

37.1 Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

37.2 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 38. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Điều 39. Hệ thống kế toán

39.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam .

39.2 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 40. Hệ thống báo cáo tài chính

40.1 Giám đốc Công ty sẽ phải hoàn thành báo cáo tài chính hàng năm theo qui định của pháp luật trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính và gởi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp đại hội đồng cổ đông;

40.2 Cuối mỗi năm tài chính Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

a) Bảng cân đối kế toán;

b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

d) Thuyết minh báo cáo tài chính;

e) Các báo cáo khác

40.3 Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, và cơ quan đăng ký kinh doanh.

40.4 Công ty phải lập các báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm.

Điều 41. Trích lập các quỹ

41.1 Hàng năm, trước khi chia cổ tức cho các cổ đông, công ty phải sử dụng lợi nhuận sau thuế của công ty trích lập các quỹ, như sau:

a) Quỹ dự phòng tài chính : trích 5% lợi nhuận sau thuế đến khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích lập nữa.

b) Quỹ đầu tư phát triển : Mức trích theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng của Ban quản lý điều hành: Mức trích theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

41.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 42. Phân chia cổ tức

42.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

42.2 Hội đồng quản trị qui định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) để khóa sổ danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phiếu được quyền nhận cổ tức. Ngày khóa sổ danh sách cổ đông trước 30 ngày trả cổ tức. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gởi đến mỗi cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

42.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

42.4 Hội đồng quản trị có thể tạm thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

42.5 Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải trả bằng tiền đồng Việt Nam tại trụ sở chính của Công ty hoặc bằng lệnh chuyển tiền đến tài khoản của cổ đông tại ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào đã được Công ty chuyển mà cổ đông đó không nhận được. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán.

42.6. Cổ tức có thể được trả bằng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thay cho cổ tức tiền mặt nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua và giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung dùng để trả cổ tức phải tương đương với cổ tức tiền mặt theo sự tính toán sát thực nhất.

CHƯƠNG XII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 43. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến công việc của Công ty hay tới các quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật pháp quy định, giữa một cổ đông hay các cổ đông với Công ty hoặc một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

Biên bản hòa giải thành và quyết định công nhận biên bản hòa giải thành của trọng tài đối với các bên liên quan có giá trị bắt buộc thực hiện đối với các bên.

Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án, phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng buộc các bên tuân theo.

Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIII
TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY- GIẢI THỂ

Điều 44. Chấm dứt hoạt động

Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Công ty không còn đủ tối thiểu 3 cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục.

d. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

e. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 45. Thanh lý

45.1 Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Tổ Thanh lý gồm 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 1 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Tổ Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên Tổ Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

45.2 Tổ Thanh lý có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của công ty, báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc chấm dứt hoạt động của công ty.

a. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật.

b. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XIV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN RA CÔNG CHÚNG, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý:

46.1 Công ty phải lập bảng báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại điều 48 của điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

46.2 Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

46.3 Công ty phải lập báo cáo 6 tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và nộp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.

46.4 Bảng tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng 3 số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, báo

cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được đăng ký trên website đó.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra dân chúng:

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV
KIỂM TOÁN

Điều 48. Kiểm toán

48.1 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

48.2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HIội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

48.3 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

CHƯƠNG XVI
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 49. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII
HIIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 50. Con dấu

50.1 Con dấu của Công ty, các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc được cơ quan có thẩm quyền khắc theo mẫu quy định thống nhất, được đăng ký sử dụng và quản lý con dấu theo đúng yêu cầu của pháp luật.

50.2 Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các viên chức quản lý Công

ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.

50.3 Con dấu của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc được sử dụng trên các chữ ký của Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc.

50.4 Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định pháp luật.

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

51.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

51.2 Những Điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

52.1 Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

52.2 Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.

52.3 Nếu trong Điều lệ này có những điều khoản vô hiệu thì những điều khoản khác vẫn có hiệu lực.

Điều 53. Điều khoản cuối cùng

53.1 Điều lệ này gồm 17 Chương, 53 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai nhất trí thông qua và biểu quyết chấp nhận toàn bộ nội dung của điều lệ này vào ngày 24 tháng 03 năm 2008 tại Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điều lệ này được lập thành 10 bản (hoặc hơn) có giá trị như nhau. Trong đó:

- 01 bản gởi Tổng công ty công ngiệp thực phẩm Đồng Nai (DONATABA);
- 05 bản lưu tại văn phòng Công ty Cổ Phần Du Lịch Đồng Nai.

Số còn lại gởi cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

53.2 Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

53.3 Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này./.

Biên Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
DONATOURS
105 Hà Huy Giáp - P. Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - T. Đồng Nai
ĐT : 0613822368 - Fax : 0613822885 - Email : dulichdn@hcm.vnn.vn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

1/ - Chủ tịch HĐQT : Ông Ngô Văn Chương

2/ - Phó chủ tịch HĐQT : Ông Phạm Nam Hưng

3/ - Thành viên HĐQT : Bà Huỳnh Thị Bích Phượng

4/ - Thành viên HĐQT : Ông Hồ Doãn Cường

5/ - Thành viên HĐQT : Ông Nguyễn Tuấn Mùi